TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HC-ST
Ngày: 20 - 12– 2024
V/v: "khiếu kiện QĐHC, HVHC trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Bình

Ông Nguyễn Đình Phùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Xuân Hợp – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLST-HC ngày 17 tháng 01 năm 2024 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1951; trú tại: Tổ B, khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hồng Q; trú tại: Thôn L, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. (có mặt)

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch UBND tỉnh B.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn T, chức vụ: Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh B. (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

2. Chủ tịch UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công V, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Q. (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

3. UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công V, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Q. (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND phường T, thành phố Q, Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Sơn B, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường T. (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

2. Trung tâm Quỹ đất tỉnh Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Anh T1, chức vụ: Trưởng P giải phóng mặt bằng. (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

3. Anh Đỗ Nguyễn Minh K, sinh năm 1979. (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

4. Anh Đỗ Nguyễn Minh K1, sinh năm 1986. (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

5. Chị Đỗ Nguyễn Minh K2, sinh năm 1982. (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

6. Chị Đỗ Nguyễn Minh K3, sinh năm 1985. (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

Cùng trú tại: Tổ B, khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

7. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1935. (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

8. Anh Đỗ Nguyên Đ, sinh năm 1979. (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

Cùng trú tại: Tổ A, khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

9. Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1961; trú tại: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

10. Chị Đỗ Thị Thanh T2, sinh năm 1968; trú tại: N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

11. Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1971; trú tại: Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

12. Chị Đỗ Thị K4, sinh năm 1963; trú tại: Số A đường T, Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

13. Anh Đỗ Văn C1, sinh năm 1967; trú tại: Số A đường T, Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng**.** (vắng mặt – có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị C *và người đại diện theo ủy quyền ông* Trương Hồng Q *cùng trình bày:*

Bà Nguyễn Thị C có thửa đất diện tích hơn 2000m^2, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại tổ B, khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Nguồn gốc thửa đất do chồng bà là ông Đỗ Văn L khai hoang và bà mua lại của ông Đỗ Văn N1 từ năm 2002 hơn 1.000m^2. Bà sinh sống và canh tác ổn định trên mảnh đất này từ năm 1979 cho đến nay, nhưng hiện nay UBND tỉnh B và UBND thành phố Q thu hồi, cưỡng chế đất của bà trái pháp luật.

Ngày 18/8/2022, khi tỉnh Bình Định chưa có chức danh Chủ tịch tỉnh, ông Nguyễn Tuấn T đã ký thay Chủ tịch Quyết định số 2653/QĐ-UBND. Nay UBND tỉnh B ban hành thêm Quyết định trái pháp luật. Hơn 2000m^2 đất của bà trong đó có hơn 1000m^2 mua lại của ông Đỗ Văn N1 từ năm 2002 và được bà sử dụng và canh tác liên tục từ đó cho đến nay, nhưng bị UBND thành phố Q ban hành Văn bản thu hồi và cưỡng chế trái pháp luật tại Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Q; Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q.

Nay bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết các vấn đề:

- Hủy Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

- Hủy Quyết định 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Q.

- Hủy Quyết định 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố Q.

- Hủy Quyết định 6036/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị C để xây dựng khu dân cư HH1 và HH2.

- Yêu cầu cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị C hơn 2000m^2 đất bà Nguyễn Thị C đang ở và canh tác tại tổ B, khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo đúng luật đất đai.

- Người bị kiện:

1. *Chủ tịch* UBND tỉnh B *do người đại diện theo ủy quyền ông* Nguyễn Tuấn T - *Phó Chủ tịch thường trực* Ủy ban nhân dân tỉnh B *trình bày:*

Thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A (đoạn từ ngã ba P đến ngã ba L), hộ bà Nguyễn Thị C kê khai diện tích ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án là 1.019,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.152,6m^2 (phía Đông thửa đất). Trên cơ sở kết quả xác nhận nguồn gốc đất và nhà của UBND phường T tại Công văn số 72/UBND-ĐC ngày 11/6/2014, Công văn số 67/UBND-ĐC ngày 01/8/2018 và Công văn số 86/UBND-ĐC ngày 15/10/2018, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 với tổng số tiền là 2.764.900 đồng (không được bồi thường, hỗ trợ về đất, bồi thường cây cối và thường giao trả mặt bằng sớm) và Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 với tổng giá trị bổ sung là 79.226.880 đồng (bổ sung giá trị hỗ trợ 50% giá đất ở đối với diện tích 48m^2 xây dựng nhà sàn trước ngày 01/7/2004, diện tích còn lại 971,2m^2 được hỗ trợ 30% giá đất nông nghiệp). Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND tỉnh phê duyệt, bà Nguyễn Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 và hủy một phần Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của UBND tỉnh được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý, giải quyết tại Bản bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HC-ST ngày 22/4/2021, theo đó: Bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. Không đồng ý với

kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo và được Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thụ lý, giải quyết tại Bản án hành chính phúc thẩm số 262/2021/HC-PT ngày 03/12/2021, theo đó chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc hủy các Quyết định sau: hủy một phần Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND tỉnh B (phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ), hủy một phần Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của UBND tỉnh B (phê duyệt bổ sung hỗ trợ đất ở, đất nông nghiệp). Buộc Cơ quan Nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về các yêu cầu sau: Yêu cầu cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị C đối với thửa đất bị ảnh hưởng thu hồi, yêu cầu hủy Văn bản số 2099/UBND-TH ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh B (đồng ý chủ trương áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà C).

Căn cứ Bản án hành chính phúc thẩm số 262/2021/HC-PT ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" và trên cơ sở đề xuất của các cơ quan chức năng, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về việc phê duyệt phương án điều chỉnh ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2, phường T, thành phố Q, theo đó: Hộ bà C được UBND tỉnh phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ là 1.211.861.000 đồng, gồm: Bồi thường 48m^2 đất ở: 424.320.000 đồng; Bồi thường 752,9m^2 đất nông nghiệp 122.572.120 đồng; Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề và tạo việc làm: 334.287.600 đồng; Bồi thường nhà cửa vật kiến trúc: 296.129.700 đồng; Bồi thường cây cối hoa màu:2.552.000 đồng; Các khoản hỗ trợ khác: 27.000.000 đồng; T3 giao trả mặt bằng: 5.000.000 đồng.

Về tái định cư: Hộ bà C được giao lô đất tái định cư có ký hiệu D20, diện tích 109m^2, lộ giới 14m thuộc khu dân cư HH1 và HH2, phường T, thành phố Q; tiền sử dụng đất ở hộ bà Nguyễn Thị C phải nộp (chưa kể các khoản phí và lệ phí) là 1.180.320.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND tỉnh; bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu hủy Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chủ tịch UBND tỉnh B khẳng định: Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho một số hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2, phường T, thành phố Q là đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh là không có cơ sở.

2. *Chủ tịch* UBND thành phố Q, UBND thành phố Q*, tỉnh Bình Định người do đại diện theo ủy quyền ông* Nguyễn Công V - *Phó Chủ tịch* Ủy ban nhân dân thành phố Q, *tỉnh Bình Định trình bày*:

Ngày 08/4/2014, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 2307/QĐ-UBND về việc duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình: Khu tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A tại khu HH1 và HH2 thuộc khu quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/200 khu vực 1 và khu vực 8 phường T, thành phố Q (gọi tắt là khu quy hoạch dân cư HH1 và HH2). Ban GPMB và phát triển quỹ đất tỉnh (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh) được UBND tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện phương án bồi thường GPMB khu quy hoạch dân cư HH1 và HH2 tại Thông báo số 57/TB-UBND ngày 18/4/2014 của UBND tỉnh B.

Trên cơ sở hồ sơ kiểm kê và chính sách pháp luật theo quy định hiện hành UBND tỉnh B đã phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ do GPMB xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2 phường Trần Quang D đối với hộ ông Đỗ Văn N1 và bà Nguyễn Thị C tại 02 Quyết định số 2642/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 và Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 20/6/2019. Ngày 26/7/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh có Văn bản số 360/TTPTQĐ-BTGPMB về việc thu hồi đất do GPMB để xây dựng khu dân cư HH1 và HH2 tại phường T, thành phố Q. Ngày 11/9/2019, phòng T4 có tờ trình số 584/TTr-TNMT về việc thu hồi đất của 03 hộ dân do GPMB để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2 tại phường T, thành phố Q. Ngày 19/9/2019, UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 6037/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Đỗ Văn N1 do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại phường T, thành phố Q, thu hồi thửa đất số 29, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.019,2m^2, thuộc phường T, thành phố Q.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2099/UBND-TH ngày 03/4/2020 về việc giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường. GPMB để xây dựng khu dân cư HH1 và HH2 thuộc phường T, thành phố Q, với nội dung: Đồng ý chủ trương cho áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất với một số hộ dân (cụ thể các hộ bà Nguyễn Thị C, ông Hồ Văn N2 và bà Lê Thị H1) không chấp hành giao trả mặt bằng tại dự án khu dân cư HH1 và HH2 thuộc phường T, thành phố Q.

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T5; UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất với hộ ông Đỗ Văn N1 do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 thuộc phường T, thành phố Q là đúng theo quy định pháp luật. Do đó, bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu hủy các Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố, Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố là không có cơ sở.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường T *do người đại diện theo ủy quyền ông* Trần Bình S – *Phó chủ tịch phường* Trần Quan D1 *trình bày:*

Thực hiện dự án xây dựng khu dân cư HH1 và HH2 phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định, hộ ông Đỗ Văn N1 bị thu hồi thửa đất số 41, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.016,3m^2 (Bản đồ 1996 chung thửa đất số 29 với hộ bà Nguyễn Thị N3 và

hộ bà Lê Thị H1). Nguồn gốc thửa đất UBND phường T đã xác nhận như sau: *"Ông* Đỗ Văn L *(Chồng bà* C *– Hiện nay đã chết) và ông* Đỗ Văn N1 *(Anh chồng bà* C*) khai vỡ đất hoang từ khoảng năm 1979. Trong thời gian từ khi khai vỡ đến trước năm 2000, ông* N1 *và ông* L *có trồng hoa màu đối với những năm thời tiết thuận lợi, đối với những năm thời tiết không thuận lợi bỏ hoang. Khoảng năm 2000, hộ ông* L *và ông* N1 *tự phân chia để sử dụng. Từ năm 2000 đến năm 2013 bỏ hoang. Từ năm 2014 liên tục trồng hoa màu cho đến nay"*

Tháng 8/2007 ông N1 xây dựng móng đá chẻ trên một phần diện tích phía Tây thửa đất. UBND phường phối hợp với Đội quản lý trật tự đô thị lập biên bản vi phạm và ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 114/QĐ-UBND ngày 02/8/2007 nhưng chưa thực hiện cưỡng chế tháo dỡ do chỉ có móng tạm. Hộ ông N1 là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Việc chuyên nhượng đất giữa ông Đỗ Văn N1 và bà Nguyễn Thị C theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do bà C cung cấp cho tòa án là giấy viết tay không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền vì vậy UBND phường không hay biết về vấn đề này.

2. *Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bình Định do người đại diện theo ủy quyền ông* Phạm Anh T1 *trình bày:*

Thực hiện dự án xây dựng khu dân cư HH1 và HH2 phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định hộ ông Đỗ Văn N1 bị thu hồi thửa đất số 41, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.016,3m^2 (Bản đồ 1996 chung thửa đất số 29 với hộ bà Nguyễn Thị N3 và hộ bà Lê Thị H1). Hộ ông Đỗ Văn N1 được UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 20/6/2019; theo đó hỗ trợ 30% giá trị bồi thường đất nông nghiệp và bồi thường cây cối với giá trị là 24.854.000đồng. UBND thành phố Q đã thu hồi đất tại Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019. Nhưng hộ ông N1 không đồng ý nhận tiền giao trả mặt bằng.

Ngày 28/8/2019, Trung tâm phát triển quỹ đất (Trung tâm) mời ông N1 làm việc giải thích, vận động hộ ông chấp hành nhận tiền giao trả mặt bằng nhưng hộ ông không đồng ý, có ý kiến đề nghị bồi thường đất theo quy định. Riêng phần đất làm đường ông Đỗ Nguyên Đ (con trai ông N1) đại diện hộ gia đình đồng ý cho mượn để thi công làm đường không cản trở gì. Kiến nghị của hộ ông, Trung tâm đã trả lời tại văn bản số 466/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 16/9/2019.

Hộ ông N1 không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt, Trung *tâm có văn bản số 08/BC-TTPTQĐ ngày 14/01/2020 báo cáo* Sở T6. Ngày 31/01/2020 Sở T6 báo cáo UBND tỉnh tại Báo cáo số 53/Bc-STNMT về việc giải quyết vướn mắc trong công tác giải phóng mặt bằng để xây dựng khu dân cư HH1 và HH2 thuộc phường T, thành phố Q.

Ngày 03/4/2020, UBND tỉnh có Văn bản số 2099/UBND-TH về việc giải quyết vướn mắc trong công tác bồi thường, GPMB để xây dựng khu dân cư HH1 và HH2 thuộc phường T, thành phố Q; theo đó, đồng ý chủ trương cho áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Văn N1, giao UBND thành

phố Q chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai và giao Sở tài nguyên và Môi trường giải quyết khiếu nại theo quy định.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2099/UBND-TH ngày 03/4/2020, UBND thành phố Q rà soát hồ sơ ban hành quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Văn N1 do GPMB để đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư HH1 và HH2.

Căn cứ Bản án hành chính phúc thẩm số 262/2021/HC-PT ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" và trên cơ sở đề xuất của các cơ quan chức năng, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về việc phê duyệt phương án điều chỉnh ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2, phường T, thành phố Q, theo đó, hộ ông Đỗ Văn N1 được UBND tỉnh phê duyệt giá trị bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp là 626.673.000đồng nhưng hộ ông vẫn chưa đồng ý nhận tiền.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh*** Đỗ Nguyễn Minh K1***, anh*** Đỗ Nguyễn Minh K***, chị*** Đỗ Nguyễn Minh K2***, chị*** Đỗ Nguyễn Minh K3 ***cùng thống nhất trình bày:***

Các anh chị là con của bà Nguyễn Thị C, các anh chị thống nhất theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Nguyễn Thị C các anh chị không bổ sung gì thêm.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà* Nguyễn Thị H*, anh* Đỗ Nguyên Đ*, chị* Đỗ Thị N*, chị* Đỗ Thị Thanh T2*, chị* Đỗ Thị P*, chị* Đỗ Thị K4*, anh* Đỗ Văn C1 *cùng thống nhất trình bày:*

Ông Đỗ Văn N1 là chồng, cha chúng tôi chết ngày 01/3/2024, ông N1 có thửa đất hơn 1.000m^2 tờ bản đồ địa chính số 05 tại tổ B, Khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Năm 2002 ông N1 đã bán cho bà Nguyễn Thị C, kể từ đó bà Cứu sinh S1 ổn định và canh tác tại đó cho đến ngày nay. Chúng tôi không có bất kỳ tranh chấp nào với bà Nguyễn Thị C liên quan đến thửa đất mà ông Đỗ Văn N1 (Số CCCD 052034001827) đã bán cho bà C nêu trên. Bà C được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến thửa đất này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định hủy Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của ông Đỗ Văn N1 để xây dựng khu dân cư HH1 và HH2 phường T, thành phố Q và hủy Quyết định

số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Văn N1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa có mặt người khởi kiện bà Nguyễn Thị C và ông Trương Hồng Q là đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị C, còn các đương sự khác trong vụ án vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 158 Luật Tố tụng hành chính thì Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về phạm vi xét xử của cấp sơ thẩm: Căn cứ theo Bản án hành chính phúc thẩm số 406/2023/HC-PT ngày 19/12/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã hủy một phần bản án hành chính sơ thẩm số 39/2023/HC-ST ngày 25/8/2023 của TAND tỉnh Bình Định và chuyển hồ sơ vụ án cho TAND tỉnh Bình Định để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố Q và hủy Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Q. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định chỉ thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của hộ ông Đỗ Văn N1 do giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư HH1 và HH2 tại phường T, thành phố Q và hủy Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Văn N1 do giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư HH1 và HH2 tại phường T, thành phố Q.

Các phần khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị hủy có hiệu lực pháp luật nên cấp sơ thẩm không phải giải quyết lại gồm: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu tòa án hủy Quyết định 6036/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố Q, tỉnh Bình Định; Đình chỉ yêu cầu cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị C diện tích 1019,3m^2, đất bà Nguyễn Thị C đang ở và canh tác tại tổ B, khu V, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo đúng luật đất đai; Bác yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu tòa án hủy Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

[2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp về hình thức:

Căn cứ biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T5 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất thì hình thức văn bản của Quyết định số 6037 và Quyết định số 3191 được ban hành đúng quy định.

[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung:

Thực hiện dự án xây dựng khu dân cư HH1 và HH2 phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định, hộ ông Đỗ Văn N1 bị thu hồi thửa đất số 41, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.016,3m^2 (Bản đồ 1996 chung thửa đất số 29 với hộ bà Nguyễn Thị N3 và hộ bà Lê Thị H1). Nguồn gốc thửa đất UBND phường T đã xác nhận như sau: *"Ông* Đỗ Văn L *(Chồng bà* C *– Hiện nay đã chết) và ông* Đỗ Văn N1 *(Anh chồng bà* C*) khai vỡ đất hoang từ khoảng năm 1979. Trong thời gian từ khi khai vỡ đến trước năm 2000, ông* N1 *và ông* L *có trồng hoa màu đối với những năm thời tiết thuận lợi, đối với những năm thời tiết không thuận lợi bỏ hoang. Khoảng năm 2000, hộ ông* L *và ông* N1 *tự phân chia để sử dụng. Từ năm 2000 đến năm 2013 bỏ hoang. Từ năm 2014 liên tục trồng hoa màu cho đến nay".*

Theo bà C trình bày năm 2002 bà C mua lại của ông L thửa đất này bằng giấy viết tay không có công chứng chứng thực nên chưa được pháp luật công nhận việc mua bán này. Ông N1 chết ngày 01/3/2024 những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N1 gồm bà Nguyễn Thị H, anh Đỗ Nguyên Đ, chị Đỗ Thị N, chị Đỗ Thị Thanh T2, chị Đỗ Thị P, chị Đỗ Thị K4, anh Đỗ Văn C1 cùng thống nhất không có bất kỳ tranh chấp nào với bà Nguyễn Thị C liên quan đến thửa đất mà ông Đỗ Văn N1 (Số C) đã bán cho bà C và bà C được toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến thửa đất này. Tuy nhiên, trong vụ án hành chính Tòa án không xem xét giải quyết các vấn đề liên quan đến việc chuyển nhượng đất giữa bà C và ông N1. Sau khi ban hành Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của hộ ông Đỗ Văn N1 thì hộ ông N1 không đồng ý và có đơn khiếu nại không phải là hộ bà C khiếu nại. Do đó, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi đất và cưỡng chế thu hồi đất ông N1 là đúng quy định.

Hộ ông Đỗ Văn N1 được UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 20/6/2019; theo đó hỗ trợ 30% giá trị bồi thường đất nông nghiệp và bồi thường cây cối với giá trị là 24.854.000đồng. UBND thành phố Q đã thu hồi đất tại Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019. Nhưng hộ ông N1 không đồng ý nhận tiền giao trả mặt bằng.

Ngày 03/4/2020, UBND tỉnh có Văn bản số 2099/UBND-TH về việc giải quyết vướn mắc trong công tác bồi thường, GPMB để xây dựng khu dân cư HH1 và HH2 thuộc phường T, thành phố Q; theo đó, đồng ý chủ trương cho áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Văn N1, giao UBND thành phố Q chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai và giao Sở tài nguyên và Môi trường giải quyết khiếu nại theo quy định.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2099/UBND-TH ngày 03/4/2020, UBND thành phố Q rà soát hồ sơ ban hành Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông

Đỗ Văn N1 do GPMB để đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư HH1 và HH2

Căn cứ Bản án hành chính phúc thẩm số 262/2021/HC-PT ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" và trên cơ sở đề xuất của các cơ quan chức năng, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 về việc phê duyệt phương án điều chỉnh ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư HH1 và HH2, phường T, thành phố Q, theo đó, hộ ông Đỗ Văn N1 được UBND tỉnh phê duyệt giá trị bồi thường hỗ trợ đất nông nghiệp là 626.673.000đồng nhưng hộ ông vẫn chưa đồng ý nhận tiền (Tại bản án hành chính sơ thẩm số 39 ngày 25/8/2023 và bản án hành chính phúc thẩm số 406/2023/HC-PT ngày 19/12/2023 đã nhận định Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 được ban hành đúng quy định pháp luật về nội dung và hình thức nên bác yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu tòa án hủy Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B nên HĐXX không xét lại quyết định này)

Từ những căn cứ nói trên, nội dung Quyết định số 6037, Quyết định số 3191 được ban hành đúng quy định.

[3] Xét tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành:

Căn cứ quy định tại Luật Đất đai; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 thì ông Nguyễn Công V – Phó Chủ tịch UBND thành phố Q (theo lĩnh vực được phân công, ủy quyền thường xuyên) ký ban hành Quyết định 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của hộ ông Đỗ Văn N1 do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại phường T, thành phố Q và Quyết định 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Văn N1 do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại phường T, thành phố Q là phù hợp.

[3.2] Về trình tự, thủ tục ban hành:

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 6037, Quyết định số 3191 là phù hợp với quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T5 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T5 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

[4]. Tính hợp pháp về thời hiệu, thời hạn ban hành:

Về thời hiệu và thời hạn ban hành Quyết định số 6037, Quyết định số 3191 là phù hợp với quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T5 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T5 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

[5] Từ những căn cứ nói trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của hộ ông Đỗ Văn N1 do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại phường T, thành phố Q và hủy Quyết định 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Văn N1 do GPMB để đầu tư xây dựng HTKT khu dân cư HH1 và HH2 tại phường T, thành phố Q.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ tại Điều 29 Luật tố tụng hành chính, Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị C thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định hủy Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của ông Đỗ Văn N1 để xây dựng khu dân cư HH1 và HH2 phường T, thành phố Q và hủy Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Văn N1 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tố tụng hành chính.

- Căn cứ vào quy định của Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T5 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T5 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định

- Căn cứ tại Điều 29 Luật tố tụng hành chính, Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 6037/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc thu hồi đất của hộ ông Đỗ Văn N1 do giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư HH1 và HH2 tại phường T, thành phố Q;

- Hủy Quyết định số 3191/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Đỗ Văn N1 do giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư HH1 và HH2 tại phường T, thành phố Q;

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C không phải chịu.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phan Minh Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Lưu HS